

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 6 - VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 83/2026/HNGĐ-ST
Ngày 22-5-2026
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Tuyên.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Bùi Thị Tuyết Thanh.

Bà Phạm Thị Thu Vân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Ngọc Thảo Uyên - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 6 - Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Tuyết - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở, Tòa án nhân dân khu vực 6 - Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 173/2026/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 04 năm 2026 về việc: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 160/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Võ Thị Đông X**, sinh năm: 1981; địa chỉ: **6 ấp C, xã P, tỉnh Vĩnh Long**; có văn bản xin giải quyết vắng mặt.

- Bị đơn: Ông **Trần Văn Đ**, sinh năm: 1981; địa chỉ: **6 ấp C, xã P, tỉnh Vĩnh Long**; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, ý kiến trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là bà **Võ Thị Đông X** trình bày:

+ Về hôn nhân: Vào năm 2007 bà và ông **Trần Văn Đ** tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại **Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre** (nay là **Ủy ban nhân dân xã P, tỉnh Vĩnh Long**), đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 15/12/2007. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến khoảng năm 2021 ông **Đ** đi làm ở **L** và có quen biết với người phụ nữ khác, phần lớn thời gian ông **Đ** chung sống với người phụ nữ này, thỉnh thoảng mới về nhà vài ngày rồi lại đi. Vì thương con nên bà cố gắng duy trì quan hệ hôn nhân, đến năm 2025 bà có nộp đơn ly hôn tại Tòa sau đó xin rút đơn lại nhưng vẫn không hàn gắn được với

ông Đ. Hiện tại bà đang đi làm ở xa, nhận thấy tình cảm vợ chồng đã không còn nên không thể tiếp tục sống chung với ông Đ.

Về quan hệ hôn nhân: Bà X yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Trần Văn Đ, bà X không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng sau khi ly hôn.

Về con chung: có 02 người con chung tên là Trần Khánh N, sinh ngày 19/5/2005 và Trần Thị Kiều D, sinh ngày 12/7/2017. Sau khi ly hôn bà X đồng ý giao cho ông Đ được quyền trực tiếp nuôi người con tên Trần Thị Kiều D, sinh ngày 12/7/2017, bà X không cấp dưỡng nuôi con. Riêng người con chung tên Trần Khánh N, sinh ngày 19/5/2005 đã trưởng thành nên bà X không yêu cầu giải quyết gì liên quan đến người con này.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

- Tại biên bản tự khai ngày 09/4/2026, ý kiến trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là ông Trần Văn Đ trình bày: Ông Đ thống nhất về thời gian đăng ký, nơi đăng ký kết hôn mà bà X đã trình bày. Về nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn ông cũng thừa nhận là trước đây có quan hệ tình cảm và chung sống với người phụ nữ khác ở bên ngoài, nhưng kể từ khi bà X nộp đơn ly hôn và sau đó rút lại đơn vào đầu năm 2026 thì ông đã trở về nhà sống. Tuy nhiên, khi ông về nhà thì bà X đã đi làm cho đến nay, vợ chồng cũng không hàn gắn được vì ông không thể liên lạc được với bà X. Hiện tại ông mong muốn được hàn gắn với bà X để cùng nhau nuôi con, nếu bà X kiên quyết ly hôn thì ông cũng không có biện pháp gì để hàn gắn được. Mặc dù vậy nhưng ông không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà X.

Về con chung: Ông Đ thống nhất như lời trình bày của bà X là có 02 người con chung tên là Trần Khánh N, sinh ngày 19/5/2005 và Trần Thị Kiều D, sinh ngày 12/7/2017. Trong trường hợp phải ly hôn thì ông Đ yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi người con tên Trần Thị Kiều D, sinh ngày 12/7/2017, không yêu cầu bà X cấp dưỡng nuôi con. Đối với người con chung tên Trần Khánh N, sinh ngày 19/5/2005 đã trưởng thành nên ông Đ không yêu cầu giải quyết gì liên quan đến người con này.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu:

+ Thẩm phán thụ lý, giải quyết, thực hiện đúng quy định tại Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng của mình. Hội đồng xét xử sơ thẩm, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

+ Về việc giải quyết vụ án: Sau khi tóm tắt nội dung vụ án, phân tích, đánh giá các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Vĩnh Long đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ Điều 51, 56, 81, 82, 83 luật HNGĐ 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, 227, 228 của BLTTDS:

Chấp nhận yêu cầu của bà X: Bà X được ly hôn với ông Đ.

Về con chung: Ông Đ được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Trần Thị Kiều D; ghi nhận ông Đ không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Trần Khánh N đã đủ tuổi trưởng thành, bà X và ông Đ không yêu cầu giải quyết nên không giải quyết.

Về tài sản chung: Bà X, ông Đ tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Về án phí: Nguyên đơn chịu án phí ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 BLTTDS.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Võ Thị Đông X có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” với ông Trần Văn Đ có địa chỉ tại ấp C, xã P, tỉnh Vĩnh Long nên Tòa án nhân dân khu vực 6 - Vĩnh Long thụ lý, giải quyết là phù hợp với quy định tại các điều 28, 35 và 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Mặc dù được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định tại Điều 177 của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng bị đơn là ông Trần Văn Đ vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm, đồng thời bà X có văn bản đề nghị giải quyết vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà X, ông Đ là phù hợp với quy định tại các điều 227 và 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Việc kết hôn giữa bà X và ông Đ là phù hợp với quy định của pháp luật nên hôn nhân của ông bà được pháp luật công nhận và bảo vệ. Trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ cho thấy giữa bà X và ông Đ đã xảy ra mâu thuẫn và đã sống ly thân với nhau, trong thời gian sống ly thân hai bên vẫn không hàn gắn được. Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, ông Đ cho rằng ông còn thương bà X nên không đồng ý ly hôn. Mặc dù không đồng ý ly hôn nhưng ông Đ cũng xác định cuộc sống hôn nhân của ông bà trước đây đã xảy ra mâu thuẫn, mà nguyên nhân chủ yếu là xuất phát từ việc ông có chung sống với người phụ nữ khác ở bên ngoài, hiện tại ông đã trở về nhà nhưng bà X lại bỏ đi làm nên vợ chồng không hàn gắn được, ông Đ xác định ông không có biện pháp gì nhằm hàn gắn lại tình cảm vợ chồng với bà X.

Trong quá trình giải quyết vụ án bà X đã thể hiện ý kiến kiên quyết yêu cầu ly hôn, từ đó cho thấy quan hệ hôn nhân giữa ông bà đã đến mức trầm trọng, không thể đoàn tụ, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu của bà X về việc ly hôn với ông Đ là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

Bà X, ông Đ đều không yêu cầu Tòa án giải quyết gì về việc cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn nên không xem xét giải quyết.

[4] Về con chung: Bà **X** và ông **Đ** thống nhất thỏa thuận trong trường hợp ly hôn thì ông **Đ** được quyền trực tiếp nuôi người con chung giữa bà với ông **Đ** là **Trần Thị Kiều D**, sinh ngày 12/7/2017 (người con này hiện đã trên bảy tuổi, đang sống chung với ông **Đ** và có nguyện vọng muốn được tiếp tục sống chung với ông **Đ**), bà **X** không cấp dưỡng nuôi con. Do vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần ghi nhận sự thỏa thuận này của các đương sự là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

Riêng đối với người con tên **Trần Khánh N**, sinh ngày 19/5/2005 đã trưởng thành, có khả năng lao động để nuôi sống bản thân, bà **X** và ông **Đ** đều không có yêu cầu giải quyết gì liên quan đến người con này nên không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản: Bà **X**, ông **Đ** thống nhất xác định không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

[6] Về nợ: Bà **X**, ông **Đ** xác định là không có nợ chung; đồng thời Tòa án nhân dân khu vực 6 - Vĩnh Long cũng không nhận được đơn yêu cầu giải quyết về nợ có liên quan đến vụ án nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Vĩnh Long là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà **X** phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình; các điều 5, 147, 271, 273, 278, 280 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên:

[1] Về hôn nhân: Bà **Võ Thị Đông X** được ly hôn với ông **Trần Văn Đ**.

[2] Về nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con:

- Giao cho ông **Trần Văn Đ** được quyền trực tiếp nuôi người con chung giữa ông và bà **Võ Thị Đông X** là **Trần Thị Kiều D**, sinh ngày 12/7/2017 (đang sống chung với ông **Đ**). Ghi nhận việc ông **Trần Văn Đ** không yêu cầu bà **Võ Thị Đông X** cấp dưỡng nuôi con.

Đối với người con chung tên **Trần Khánh N**, sinh ngày 19/5/2005 đã trưởng thành, có khả năng lao động để nuôi sống bản thân. Bà **Võ Thị Đông X** và ông **Trần Văn Đ** đều không có yêu cầu giải quyết gì liên quan đến người con này nên không xem xét giải quyết

- Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con; không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này. Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi con

có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

- Vì lợi ích của con chung, bà **Võ Thị Đông X**, ông **Trần Văn Đ** hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình có quyền yêu cầu Tòa án quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Khi có lý do chính đáng, bà **Võ Thị Đông X**, ông **Trần Văn Đ** có thể thỏa thuận giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về tài sản: Bà **Võ Thị Đông X**, ông **Trần Văn Đ** thống nhất xác định không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

[4] Về nợ: Bà **Võ Thị Đông X**, ông **Trần Văn Đ** xác định là không có nợ chung; đồng thời Tòa án nhân dân khu vực 6 - Vĩnh Long cũng không nhận được đơn yêu cầu giải quyết về nợ có liên quan đến vụ án nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] *Về án phí dân sự sơ thẩm:* Bà **Võ Thị Đông X** phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm; nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006275 ngày 07 tháng 4 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long; bà **Võ Thị Đông X** đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

[6] *Về quyền kháng cáo, kháng nghị đối với bản án:* Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày được nhận bản án hoặc ngày bản án được niêm yết; Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Vĩnh Long có quyền kháng nghị bản án này trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long có quyền kháng nghị bản án này trong thời hạn 01 (một) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long giải quyết lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

[7] *Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.*

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND khu vực 6 - Vĩnh Long;
- Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long;
- UBND xã P, tỉnh Vĩnh Long;
- Phòng GD, KTr, TT&THA TAND tỉnh Vĩnh Long;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Vp, Bp.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(ĐÃ KÝ)

Nguyễn Thị Ngọc Tuyền

